| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHÚ TÂN**<br>**TỈNH CÀ MAU** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 15/2019/DS-ST
Ngày: 21-6-2019
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Việt Triều.

*Các Hội thẩm nhân dân*

Ông Nguyễn Minh Trọn.

Ông Vũ Minh Hoàng.

***- Thư ký phiên tòa***: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2019/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2019 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Kim Thanh H, sinh năm 1974 (có mặt).

Cư trú tại: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

*Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Cư trú tại: Khóm Y, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 02 năm 2019 và trong quá trinh giải quyết vụ án nguyên đơn bà Kim Thanh H trình bày: Do gặp hoàn cảnh khó khăn nên vào ngày 24/11/2014 (âl) bà Nguyễn Thị N có đến hỏi vay của bà số tiền 10.000.000 đồng, lãi suất do hai bên tự thỏa thuận mỗi tháng 200.000 và đóng lãi định kỳ hàng tháng cho bà. Nhưng từ khi vay cho đến nay bà N không đóng lãi cho bà theo thỏa thuận. Bà đã nhiều lần đến nhà và yêu cầu bà N đóng lãi và trả phần nợ gốc cho bà nhưng bà N không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N trả cho bà số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 24/11/2014 cho đến nay.

- Tại biên bản hòa giải ngày 02 tháng 4 năm 2019 bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Số tiền này là do bà hỏi tiền góp của bà H và bà đã đóng tiền góp 10.000.000 đồng một ngày đóng góp 200.000 đồng và đã góp cho bà H tổng cộng là 13 ngày, với tổng số tiền là 2.600.000 đồng. Bà đồng ý trả cho bà H 10.000.000 đồng còn về phần lãi suất bà không đồng ý trả cho bà H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Kim Thanh H khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả tiền vay và lãi suất. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Nguyễn Thị N là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị N.

[3] Về pháp luật áp dụng: bà H và bà N xác lập hợp đồng vay tài sản vào năm 2014 nên áp dụng bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[4] Tại phiên tòa bà Kim Thanh H yêu cầu bà N trả tiền nợ gốc 10.000.000 đồng. Tại biên bản hòa ngày 28 tháng 01 năm 2019 của khóm 6, thị trấn Cái Đôi Vàm, huyện Phú Tân và biên bản hòa giải ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân bị đơn bà Nguyễn Thị N thừa nhận có vay của bà H số tiền 10.000.000 đồng. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*". Như vậy, việc bà N có vay của bà H 10.000.000 đồng là có thật. Trong quá trình hòa giải bà N cho rằng vay tiền của bà H 10.000.000 đồng trả góp hàng ngày, mỗi ngày góp 200.000 đồng, bà N đã góp cho bà H 2.600.000 đồng, nhưng bà N không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và bà H không thừa nhận nên lời trình bày của bà N không có cơ sở chấp nhận.

[5] Về lãi suất: Giữa bà N và bà H thỏa thuận lãi suất 2% mỗi tháng là cao so với quy định của pháp luật nên điều chỉnh lại như sau: Lãi suất cơ bản ngân hàng nhà nước quy định 9%/năm (theo QĐ số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam), Theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì lãi suất các bên thỏa thuận nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định nên lãi suất năm là 13,5%, lãi tháng là 1,125%, lãi ngày là 0,0375%. Ngày vay là ngày 24 tháng 11 năm 2014 âm lịch nhằm ngày 14 tháng 01 năm 2015 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 21 tháng 6 năm 2019 là 04 năm 05 tháng 07 ngày, tổng tiền lãi là (10.000.000đ x 4 năm x 13,5%) +

(10.000.000đ x 05 tháng x 1,125%) + (10.000.000đ x 7 ngày x 0,03755%) = 5.988.750 đồng. Như vậy bà N có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền cả gốc và lãi là 15.988.750 đồng.

[5]Về án phí: Bà Kim Thanh H không phải chịu án phí, bà H đã dự nộp 300.000 đồng được nhận lại. Bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 799.437 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 471; Điều 474; Điều 476 và Điều 477 của Bộ luật Dân sự. năm 2005

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kim Thanh H. Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ trả cho bà Kim Thanh H số tiền 15.988.750 đồng (mười lăm triệu chín trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm năm mươi đồng).

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.*

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bà Kim Thanh H không phải chịu án phí, bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019036 ngày 01 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, bà H được nhận lại khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Nguyễn Thị N có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 799.437 đồng (bảy trăm chín mươi chín ngàn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

Án xử sơ thẩm, bà Kim Thanh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự*

*có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Việt Triều**